

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **07**/2018/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày **09** tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại  
các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý  
của tỉnh Vĩnh Phúc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC  
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 138 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 35 /TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.


**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị Quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 về sửa đổi, bổ sung Nghị Quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khoá XVI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2018. / 

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ: Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc,
- Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- CPVP, CV VPHĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



**Trần Văn Vinh**

**QUY ĐỊNH**

**Về phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức,  
đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND  
ngày 09/7/2018 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi phân cấp**

Chủ tịch UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn.

Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Văn phòng huyện ủy và Văn phòng Thành ủy, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp và đơn vị, tổ chức khác (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công**

1. Đối với tài sản mua sắm là phương tiện vận tải của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định pháp luật.

2. Đối với tài sản mua sắm là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác:

a) Đối với nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước.

- Cấp tỉnh:

+ Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm các tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có giá trị từ 500 triệu đến dưới 20 tỷ đồng/01 đơn vị tài

sản hoặc một gói mua sắm tài sản. Từ 20 tỷ đồng trở lên báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

+ Giám đốc Sở Tài chính quyết định mua sắm các tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu /01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm từ 400 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản.

+ Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 400 triệu đồng cho 01 gói mua sắm tài sản của cơ quan mình; Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 200 triệu đồng đến dưới 400 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

+ Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 200 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản.

- Cấp huyện:

+ Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định:

Mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện có giá trị từ 100 triệu đồng, của cấp xã từ 300 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện từ 200 triệu đồng, của cấp xã từ 400 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một gói mua sắm tài sản. Từ 10 tỷ đồng trở lên báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp xem xét, quyết định.

+ Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định: Mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 200 triệu đồng cho một gói tài sản.

- Cấp xã:

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 400 triệu đồng đối với một gói mua sắm tài sản.

b) Đối với nguồn thu từ phí được để lại sử dụng, thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc mua sắm tài sản theo quy định hiện hành.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) theo quy định.

#### **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản**

##### 1. Thuê trụ sở làm việc:

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong phạm vi nguồn dự toán kinh phí được giao sau khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định thuê trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu đơn vị quyết định thuê tài sản theo quy định.

##### 2. Thuê tài sản khác:

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

#### **Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

##### 1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản công sau đây:

a) Trụ sở làm việc và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý.

b) Phương tiện vận tải của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý; Tài sản có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tại đơn vị và đơn vị trực thuộc .

4. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc huyện, thành, thị (bao gồm cả cấp xã).

#### **Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

##### 1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

Điều chuyển trụ sở làm việc và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); phương tiện vận tải; các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ

sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định:

a) Điều chuyển các loại tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch các huyện, thành phố có liên quan.

b) Điều chuyển các loại tài sản không thuộc quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác ngành, khác huyện quản lý theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch các huyện, thành phố có liên quan.

3. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này trong nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều này trong phạm vi nội bộ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý (bao gồm cả cấp xã).

**Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công**

1. UBND tỉnh xây dựng phương án bán tài sản công báo cáo HĐND tỉnh:

- Đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên; Trường hợp đột xuất phát sinh giữa 2 kỳ họp thì thông nhất ý kiến với Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản trong các trường hợp:

- Bán tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có giá trị từ dưới 20 tỷ đồng trở xuống.

- Bán tài sản là phương tiện vận tải; các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

*I*

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/ đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị mình.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc các Sở, ban ngành, Đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này của cơ quan, đơn vị mình.

6. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

7. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý (bao gồm cả cấp xã).

#### **Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định :

a) Thanh lý trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

b) Thanh lý phương tiện vận tải của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý.

c) Thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/ đơn vị tài sản của cơ quan mình và từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng /01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban ngành, Đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng /01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị mình.

5. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định:

a) Thanh lý trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý (bao gồm cả cấp xã).

b) Thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản cấp xã.

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng /01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị mình.

6. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng /01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

7. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản)

#### **Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công**

1. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản nhà nước bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật: Thủ trưởng cơ quan có tài sản ra quyết định tiêu hủy.

#### **Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc (kể cả tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân).

2. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã và tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân).




### Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác có liên quan thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/ 12/ 2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu đã áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì được áp dụng theo văn bản mới đó. 

**CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vinh